

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 02/02/2026 của Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Căn cứ Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 02/02/2026 của Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 02/02/2026 của Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, các giải pháp phù hợp để phát triển nông nghiệp, nông thôn thành phố Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phân công trách nhiệm các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổ chức thực hiện, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời, phù hợp với các quy định chung của các Bộ, ngành, Trung ương.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các nhiệm vụ đến các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, chính quyền cấp xã, các tổ chức, đơn vị liên quan nhằm tạo sự đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện.

- Trên cơ sở nội dung các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các xã,

phường, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra.

- Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát, thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện đạt kết quả các chỉ tiêu đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục xác định nông nghiệp, nông dân (bao gồm cả ngư dân), nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài, là nền tảng quan trọng bảo đảm ổn định vĩ mô, tăng trưởng bền vững, trong đó nông dân là trung tâm, là chủ thể, là động lực, nguồn lực của quá trình đổi mới.

- Xây dựng nền nông nghiệp thành phố Huế theo hướng sản xuất hàng hóa; phát triển toàn diện, bền vững; phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và thương hiệu nông sản. Nông nghiệp phải bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống, góp phần bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Thu nhập, chất lượng cuộc sống của nông dân và cư dân vùng nông thôn ngày được nâng cao; tạo thêm nhiều việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng miền; từng bước nâng cao trình độ sản xuất, tư duy làm kinh tế nông nghiệp của nông dân. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo; bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP lĩnh vực Nông - Lâm - Thủy sản bình quân 3-4%/năm; năng suất lao động nông nghiệp tăng bình quân từ 7-8%/năm; chiếm tỷ trọng khoảng 7-8% trong cơ cấu GRDP.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng gấp 2,5 - 3,0 lần so với năm 2025.

- Cơ bản không còn hộ nghèo.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đạt 89,5% (17/19 xã); trong đó, có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì 57,3%.

- Tỷ lệ hộ nông thôn sử dụng nước sạch đạt 99,5%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Rà soát và thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng thành văn bản pháp luật, chính sách của thành phố về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi.

- Nghiên cứu xây dựng, sửa đổi các chính sách đột phá, thu hút, huy động mọi thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Ưu tiên các chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng xanh, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, nông nghiệp gắn với du lịch và chuyển đổi số.

Phân công: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

2. Cơ cấu lại cây trồng, vật nuôi, sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường và lợi thế của thành phố

- Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sinh thái gắn với đô thị hóa; nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, VietGap; liên kết phát triển nông nghiệp gắn với du lịch.

- Phát triển ngành chăn nuôi an toàn sinh học, bền vững; hình thành trang trại, khu chăn nuôi tập trung, công nghệ cao theo chuỗi giá trị. Xây dựng khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, đẩy mạnh chế biến và xuất khẩu; phát triển dịch vụ đánh bắt xa bờ; tăng cường công tác phòng chống khai thác IUU. Phát triển kinh tế lâm nghiệp, khai thác hiệu quả giá trị đa dụng hệ sinh thái rừng; chú trọng bảo vệ, phát triển rừng, trồng rừng gỗ lớn; phát triển chế biến lâm sản, sản phẩm từ gỗ, trồng cây bản địa và dược liệu dưới tán rừng.

- Thúc đẩy hợp tác, liên kết “6 nhà”; phát triển các chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp; ưu tiên hoàn thiện chuỗi giá trị cho các ngành hàng chủ lực quốc gia và của thành phố. Tiếp tục củng cố và phát triển tổ chức hợp tác xã nông nghiệp để làm hạt nhân trong liên kết sản xuất; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp lớn đầu tư vào nông nghiệp để dẫn dắt tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu. Tăng cường hợp tác nghiên cứu, chuyên gia công nghệ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân với các trường, viện nghiên cứu.

- Tổ chức lại các khâu quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững. Tăng cường nghiên cứu, khảo nghiệm các loại giống có năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng để đưa vào sản xuất; chú trọng bảo tồn và phát triển các loại giống bản địa, đặc sản, đặc hữu của Huế. Đẩy mạnh tuyên truyền sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học; xây dựng các chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp và sử dụng sinh vật có ích nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ “sức khỏe” đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái. Tăng cường sử dụng phế phụ phẩm chế biến để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, phân bón hữu cơ, giảm dần tỷ lệ sử dụng nhóm phân bón vô cơ. Khuyến khích đầu tư cơ giới hóa, tự

động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến. Ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản nông sản, ưu tiên các công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Phát triển thị trường, đảm bảo ổn định đầu ra cho nông sản. Kết nối hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, các sàn thương mại điện tử; nghiên cứu xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung chặt chẽ tại các vùng sản xuất nông nghiệp chính, đánh giá nhu cầu tại các thị trường chính trong và ngoài nước. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân. Xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Chủ động hội nhập quốc tế, tận dụng các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, các cơ chế hợp tác quốc tế để xúc tiến thương mại, mở rộng, thị trường xuất khẩu.

- Xây dựng, triển khai vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học.

Phân công: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

3. Hỗ trợ đào tạo, chuyển giao công nghệ để người nông dân dần hình thành tư duy kinh tế nông nghiệp

- Rà soát, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 326/QĐ-TTg và 328/QĐ-TTg ngày 24/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn đến năm 2030”; Chỉ thị số 37- CT/TW ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Bảo đảm phù hợp nhu cầu thị trường lao động, định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của địa phương; ưu tiên kỹ năng số, thương mại điện tử và chuyển đổi số; chủ động thích ứng với biến động thị trường, thiên tai, dịch bệnh, nâng cao tinh thần trách nhiệm và hợp tác trong phát triển.

Phân công: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

- Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nông dân tiếp cận vốn, tín dụng; tạo điều kiện để nông dân tham gia khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ, công nghiệp ở nông thôn, hoà nhập vào chuỗi giá trị mới. Đẩy mạnh hợp tác phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường.

Phân công: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

4. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu bản sắc, bền vững

- Huy động nguồn lực hoàn thiện hạ tầng nông thôn, kết nối với đô thị. Đẩy mạnh xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại.

- Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, các nhóm dân cư, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới; nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân ở nông thôn. Phát huy vai trò của người nông dân là trung tâm, là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới, tham gia sâu vào quá trình quy hoạch, phát triển bền vững. Tăng cường nguồn lực bảo đảm an ninh, trật tự, tạo môi trường an toàn, ổn định tại khu vực nông thôn.

Phân công: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

5. Đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường đồng bộ với các hạ tầng chiến lược khác theo hướng hiện đại, đa mục tiêu.

- Tập trung đầu tư đồng bộ hạ tầng để phát triển nông nghiệp toàn diện gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch, dịch vụ bền vững. Ưu tiên nguồn lực phát triển hệ thống giao thông kết nối các địa phương, hệ thống giao thông nội thị để khai thác nội lực, thu hút đầu tư. Hình thành và phát triển các khu dân cư gắn với phát triển các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống, từng bước phân bố lại lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động ngành nghề dịch vụ trong nông thôn. Chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, làng nghề truyền thống.

- Tiếp tục huy động, lồng ghép hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế biển, đầm phá trên cơ sở tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học gắn với bảo vệ chủ quyền vùng biển. Xây dựng, phát triển vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thành “*Công viên đầm phá Quốc Gia*”. Kết hợp phát triển du lịch biển, đầm phá với các làng nghề truyền thống, di sản văn hóa và lễ hội địa phương. Phát triển, bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng ngập nước, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên. Phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão đáp ứng nhu cầu dịch vụ hậu cần nghề cá. Chú trọng nạo vét, khơi thông luồng lạch, hệ thống thoát lũ gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt, hiệu quả, đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội. Hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ, du lịch; ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, tiểu thủ công nghiệp, các

làng nghề truyền thống, cây trồng, vật nuôi bản địa gắn với sản phẩm OCOP có giá trị kinh tế cao; rút ngắn khoảng cách về phát triển và mức thu nhập của vùng so với mức trung bình của thành phố. Đẩy mạnh bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Hoàn thiện các dự án định cư mới để sắp xếp ổn định dân cư; giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc.

Phân công: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

- Hoàn thành dự án xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới.

Phân công: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

- Tập trung nâng cấp các cửa khẩu biên giới đất liền gắn với bảo đảm an ninh quốc gia, an toàn xã hội.

Phân công: Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

6. Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý tài nguyên, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường bảo vệ môi trường nhằm phát triển nông thôn ngày càng xanh, sạch, đẹp, hiện đại, văn minh; đẩy mạnh thu gom, xử lý rác thải, chất thải nguy hại; quyết liệt xử lý ô nhiễm dòng sông, bờ sông; tăng cường điều tiết, phục hồi hệ sinh thái sông, hồ, rừng ngập mặn. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thời tiết, các sự cố, thảm hoạ để chủ động thích ứng, phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân.

Phân công: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, các địa phương triển khai thực hiện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch.

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2026-2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp) theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu UBND thành phố kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030, kế hoạch hằng năm và dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và các quy định hiện hành.

- Kịp thời báo cáo UBND thành phố sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách liên quan lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế tập thể đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Công Thương chủ trì phối hợp các Sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách về thương mại, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử; trong đó tập trung hỗ trợ các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ ở nông thôn trong lĩnh vực chế biến nông sản, lâm sản, thủy hải sản; thúc đẩy phát triển cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp gắn với công nghiệp hóa, đô thị hóa và chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai hiệu quả các chương trình phát triển khoa học công nghệ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ số; xây dựng cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn triển khai áp dụng công cụ quản lý, quy trình quản lý hiện đại; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

5. Sở Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường phát triển các điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn có tiềm năng, lợi thế trên địa bàn thành phố, gắn với xây dựng nông thôn mới; quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các điểm du lịch trọng điểm và các sự kiện do ngành du lịch tổ chức.

6. Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương tham mưu, chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi một cách toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và mục tiêu, nội dung tại Kế hoạch này. Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn các xã, phường.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu giải quyết) tháo gỡ nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đảng ủy UBND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành cấp thành phố;
- Công an thành phố;
- BCH Quân sự thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT thành phố;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh